

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐẠI HỌC KINH TẾ TÀI CHÍNH

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8310301

(PHIÊN BẢN DÀNH CHO HỌC VIÊN)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo	2
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives).....	5
2.1. Mục tiêu chung.....	5
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	5
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)	6
4. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	8
5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)..	9
6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF 10	
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	12
1. Cấu trúc chương trình dạy học	12
2. Nội dung chương trình	13
3. Kế hoạch dạy học toàn khóa	14
4. Sơ đồ tiến trình đào tạo	17
5. Phương pháp giảng dạy.....	19
5.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy	19
5.2 Các phương pháp giảng dạy.....	19
6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	21
6.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	21
6.2 Các phương pháp đánh giá	21
7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	22
8. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo	30
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	30

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, KHÓA 2024
NGÀNH KẾ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UEF ngày tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo và các chuyên ngành (tiếng Việt)	KẾ TOÁN
Tên ngành đào tạo và các chuyên ngành (tiếng Anh)	ACCOUNTING
Mã ngành đào tạo	8340301
Trường cấp bằng	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
Tên văn bằng	Bằng Thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Định hướng đào tạo	Định hướng ứng dụng
Đơn vị quản lý chương trình đào tạo	Viện Đào tạo sau đại học
Thông tin về chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (nếu có)	

Tổng khối lượng kiến thức	60 tín chỉ																					
Hình thức đào tạo	Chính quy																					
Thời gian đào tạo	2 năm																					
Chuẩn đầu vào	<p>Điều kiện dự tuyển:</p> <p>a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;</p> <p>c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT của Trường.</p> <p>d) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Trường tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường</p> <p>Yêu cầu về học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển:</p> <p>a) Ngành phù hợp (ngành đào tạo ở trình độ đại học) bao gồm: Kế toán</p> <p>b) Các ngành phải học bổ sung kiến thức bao gồm: Các ngành gần (cùng mã cấp II) và các ngành khác (không cùng mã cấp II) đối với ngành Kế toán</p> <p>Đối với các ngành khác với ngành Kế toán, người dự tuyển phải có giấy xác nhận của cơ quan công tác về việc đang làm công việc có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.</p> <p>c) Danh mục các học phần cần bổ sung kiến thức:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Học phần</th> <th>Số tín chỉ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lý thuyết tài chính - Tiền tệ</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Kinh tế vi mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Kinh tế vĩ mô</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Nguyên lý kế toán</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Marketing căn bản</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Quản trị học</td> <td>3</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Học phần	Số tín chỉ	1	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	2	Kinh tế vi mô	3	3	Kinh tế vĩ mô	3	4	Nguyên lý kế toán	3	5	Marketing căn bản	3	6	Quản trị học	3
STT	Học phần	Số tín chỉ																				
1	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3																				
2	Kinh tế vi mô	3																				
3	Kinh tế vĩ mô	3																				
4	Nguyên lý kế toán	3																				
5	Marketing căn bản	3																				
6	Quản trị học	3																				
Thang điểm đánh giá và cách thức đánh giá kết	Thang điểm 4, theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình thạc sĩ của Trường																					

quả học tập	
Điều kiện tốt nghiệp	<p>Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường, các điều kiện chuyên môn bao gồm:</p> <p>a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;</p> <p>b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ GD&ĐT công bố, còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.</p>
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên bậc cao về kế toán, kiểm soát, kiểm toán, tài chính tại các tổ chức kinh doanh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng và các tổ chức công của Nhà nước (như: kế toán trưởng, trưởng ban kiểm soát nội bộ, kiểm ban kiểm soát/kiểm toán,...). - Chuyên gia phân tích, tư vấn ứng dụng ở trình độ cao trong lĩnh vực Kế toán - tài chính tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các tổ chức công của Nhà nước nhằm cải tiến công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán và quản lý tài chính. - Chuyên gia tư vấn, nghiên cứu độc lập về Kế toán, kiểm toán, tài chính hoặc tham gia ở vị trí cấp quản lý tại các phòng ban (như: phòng tài chính, phòng kiểm toán độc lập, phòng kế hoạch, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro, hoặc tham gia vào ban quản lý cấp cao,...) trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng, các tổ chức công của Nhà nước. - Chuyên gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành trong lĩnh vực Kế toán - tài chính tại các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lĩnh vực chuyên môn liên quan chuyên ngành đào tạo; - Có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ các ngành phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Chương trình đào tạo đã tham khảo	<p>- Trong nước: Chương trình Thạc sĩ Kế toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM <i>Website:</i> https://tuyensinh.uch.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-ke-toan-thac-si-huong-ung-dung/</p> <p>- Trong nước: Chương trình Thạc sĩ Kế toán Trường ĐH kinh tế trực thuộc ĐH Quốc Gia Hà Nội <i>Website:</i> https://ucb.vnu.edu.vn/Dao-Tao/UEB/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-ke-toan-dinh-huong-ung-dung-ap-dung-tuyen-sinh-tu-nam-2023/1665/1668/1684/34741</p> <p>- Nước ngoài: Chương trình Thạc sĩ Kế toán Trường ĐH Australian National University, Úc <i>Website:</i> https://programsandcourses.anu.edu.au/program/7414xmacct</p> <p>- Nước ngoài: Chương trình Thạc sĩ Kế toán Trường ĐH Toulouse School Management, Pháp <i>Website:</i> https://tsm-education.fr/formations/masters/comptabilite-control-audit</p>
Thời gian thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo	Ngày 16/03/2024

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives)

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng; đào tạo cho học viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và chuyên nghiệp; có kiến thức chuyên sâu về Kế toán - tài chính; có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan đến Kế toán - tài chính và vận dụng tốt vào thực tế công việc; có khả năng nghiên cứu, học tập suốt đời.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1 (Kiến thức).** Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về triết học; kiến thức thực tế sâu, rộng liên quan đến Kế toán - tài chính; kiến thức lý thuyết chuyên sâu, hiện đại về Kế toán - tài chính và các kiến thức liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, kiểm toán, pháp luật.
- **PO2 (Kỹ năng).** Rèn luyện cho người học kỹ năng tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; nhận biết và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính; cũng như hoạch định, tổ chức và quản lý các hoạt động liên quan trong lĩnh vực; có kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và phát triển nghề nghiệp trong môi

trường quốc tế; có kỹ năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có năng lực tự nghiên cứu và tự học tập suốt đời.

- **PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm).** Phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia; năng lực, quản lý, hướng dẫn người khác cũng như đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)

Nhóm	Chuẩn đầu ra (PLOs)		Trình độ năng lực (*)	Chung/ Chuyên biệt
Kiến thức	PLO1	Phân tích được các nguyên lý và học thuyết nền tảng của triết học để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề một cách hệ thống, khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu.	4/6	Chung
	PLO2	Giải thích và so sánh một cách có hệ thống các kiến thức về Kế toán - tài chính chuyên sâu, hiện đại và quốc tế để có thể vận dụng trong việc đảm nhận các công việc của chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán - tài chính.	5/6	Chuyên biệt
	PLO3	Đánh giá và diễn giải được các kiến thức thực tiễn, liên ngành có liên quan nhằm hỗ trợ cho việc hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng Kế toán - tài chính trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế tại các đơn vị và tổ chức.	5/6	Chuyên biệt
	PLO4	Chọn lựa phương pháp tư duy phân tích, quy trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính để từ đó nhận diện và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kế toán - tài chính.	5/6	Chuyên biệt
Kỹ năng	PLO5	Phối hợp các kỹ năng tổ chức, tổng hợp, phân tích đánh giá và hệ thống hoá các dữ liệu và thông tin để nhận diện và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính một cách khoa học, hiệu quả và đột phá.	4/5	Chuyên biệt
	PLO6	Chuyển biến một cách thành thạo và hiệu quả các kỹ năng sử dụng công nghệ và làm việc nhóm, phân biện nhằm tìm ra các giải pháp	4/5	Chuyên biệt

Nhóm	Chuẩn đầu ra (PLOs)		Trình độ năng lực (*)	Chung/Chuyên biệt
		giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính.		
	PLO7	Lồng ghép các kỹ năng truyền đạt, phổ biến tri thức dựa trên sự am hiểu thực tiễn các vấn đề về Kế toán - tài chính nhằm có thể thảo luận với người cùng ngành và những người khác.	4/5	Chuyên biệt
	PLO8	Tích hợp các kỹ năng về ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong lĩnh vực chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa.	4/5	Chung
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Thấm nhuần ý thức đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cộng đồng.	5/5	Chung
	PLO10	Hình thành tính chuyên nghiệp và tác phong làm việc khoa học, dễ dàng thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế.	5/5	Chuyên biệt
	PLO11	Thể hiện khả năng hoạch định, xây dựng, tổ chức, quản lý, đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực Kế toán - tài chính.	5/5	Chuyên biệt
	PLO12	Duy trì năng lực nghiên cứu ứng dụng, tự định hướng, đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán - tài chính.	5/5	Chuyên biệt

(*) Thang đo trình độ năng lực:

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	Nhớ	Bắt chước	Tiếp nhận
1	Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó	Khả năng lặp lại hành vi sau khi được quan sát đầy đủ	Khả năng lắng nghe và ý thức tiếp thu kiến thức
2	Hiểu	Thao tác	Đáp ứng

Mức độ (Bậc trình độ năng lực)	Kiến thức Thang Bloom (6 bậc)	Kỹ năng Thang Dave (5 bậc)	Mức độ tự chủ và trách nhiệm Thang Krathwohl (5 bậc)
	Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát, diễn đạt lại kiến thức đã học	Khả năng hoàn thành một kỹ năng theo như chỉ dẫn	Khả năng tham gia tích cực vào quá trình học tập
3	Vận dụng	Làm chuẩn xác	Hình thành giá trị
	Áp dụng thông tin, khái niệm đã biết vào một tình huống, điều kiện mới để giúp giải quyết vấn đề	Khả năng lặp lại chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn một kỹ năng, thường thực hiện độc lập không cần phải hướng dẫn	Khả năng tìm thấy được giá trị của thông tin và đánh giá theo quan điểm riêng
4	Phân tích	Phối hợp	Tổ chức
	Chia kiến thức, thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể	Khả năng kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác, nhịp nhàng và ổn định	Khả năng sử dụng phối hợp kiến thức, niềm tin, giá trị để giải quyết/ lý giải vấn đề
5	Đánh giá	Làm thuần thục	Hình thành phẩm chất
	Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí	Khả năng hoàn thành dễ dàng một hay nhiều kỹ năng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự cố gắng về trí lực và thể lực	Khả năng kiểm soát đầu ra và ứng xử dựa trên hệ thống giá trị riêng
6	Sáng tạo	-	-
	Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có	-	-

4. Ma trận mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

PO1	x	x	x	x								
PO2					x	x	x	x				
PO3									x	x	x	x

5. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam *											
	K1	K2	K3	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
PLO1	X											
PLO2	X											
PLO3	X	X										
PLO4		X	X									
PLO5				X		X						
PLO6				X			X					
PLO7					X							
PLO8								X				
PLO9									X	X	X	X
PLO10									X	X		
PLO11											X	X
PLO12										X		

* Mô tả bậc 7 Khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
Kiến thức (K)	
K1	Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.

Mã	Chuẩn đầu ra đối với người tốt nghiệp bậc 7 VQF
K2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
K3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
Kỹ năng (S)	
S1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
S2	Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
S3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
S4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
S5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm (A)	
A1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
A2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
A3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
A4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

6. Ma trận chuẩn đầu ra đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF *										
	M1	M2	M3	V1	V2	C1	C2	C3	C4	P1	P2
PLO1	X	X		X	X	X				X	X
PLO2	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
PLO3	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO4	X	X		X	X	X	X			X	X
PLO5	X	X		X	X	X	X		X	X	X
PLO6	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF *										
	M1	M2	M3	V1	V2	C1	C2	C3	C4	P1	P2
PLO7	X	X	X	X	X	X	X			X	X
PLO8	X	X	X	X	X	X		X		X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO10	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO11	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
PLO12	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

* **Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF:**

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
Sứ mạng (M)	
M1	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu.
M2	Xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo.
M3	Phát triển năng lực làm việc thực tế, tinh chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.
Tầm nhìn (V)	
V1	Trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực.
V2	Là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội.
Giá trị cốt lõi (C)	
C1	Xuất sắc: Cung cấp chương trình và dịch vụ đào tạo xuất sắc.
C2	Sáng tạo: Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, phát triển ý tưởng khởi nghiệp.
C3	Hội nhập: Hợp tác và hội nhập quốc tế toàn diện.
C4	Phát triển: Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng mọi hoạt động của Trường.
Triết lý giáo dục (P)	
P1	Giáo dục toàn diện Giáo dục người học phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực, có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, có tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế, có khả năng thích nghi với sự biến đổi của thế giới.

Mã	Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục của UEF
P2	<i>Học tập suốt đời</i> Ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, tiên tiến; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu đa dạng nhằm hình thành, rèn luyện và thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời cho người học.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức				Số học phần/môn học
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %	
I.	Kiến thức chung	4	4	-	6,7%	1
1.1	<i>Triết học</i>	4	4	-		1
II.	Kiến thức ngành	41	26	15	68,3%	14
2.1	<i>Nghiên cứu khoa học</i>	5	5	-	8,3%	2
2.1.1	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>	3	3	-		1
2.1.2	<i>Chuyên đề nghiên cứu QTKD/TC-NH/Kế toán/Luật Kinh tế/ Ngôn ngữ Anh (Viết luận văn tốt nghiệp)/QHCC</i>	2	2	-		1
2.2	<i>Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành</i>	36	21	15	60,0%	12
2.2.1	<i>Bắt buộc</i>	21	21	-	-	7
2.2.2	<i>Tự chọn</i>	15	-	15	-	5
III.	Kiến thức tốt nghiệp	15	15	-	25,0 %	2
3.1	<i>Chuyên đề thực tế</i>	6	6	-	-	1
3.2	<i>Đề án tốt nghiệp</i>	9	9	-	-	1
	Tổng cộng	60	45	15	100%	17
			75.0%	25.0%		

Tổng khối lượng kiến thức của CTĐT: 60 tín chỉ

2. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
I. Kiến thức chung						4						
1.1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB		4	4					
II. Kiến thức ngành						41						
II.1. Nghiên cứu khoa học						5						
2.1	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB		3	3					
2.2	ACC6119	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting	BB		2	2					
II.2. Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành						36						
2.3	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB		3	3					
2.4	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB		3	3					
2.5	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	BB		3	3					
2.6	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	BB		3	3					
2.7	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB		3	3					
2.8	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB		3	3					
2.9	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	Accounting theory (School of Accounting)	BB		3	3					
		<i>Chọn 5/8 học phần sau</i>				<i>15</i>						
2.10	ACC6112	Kiểm toán	Auditing	TC		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
2.11	ACC6109	Kế toán công	Public Accounting	TC		3	3					
2.12	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	TC		3	3					
2.13	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	Internal control	TC		3	3					
2.14	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	Ethics in accounting and auditing	TC		3	3					
2.15	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	International Financial Accounting	TC		3	3					
2.16	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial derivatives and risk	TC		3	3					
2.17	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	TC		3	3					
III. Kiến thức tốt nghiệp						15						
3.1	ACC6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB		6			X			
3.2	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB		9			X			
Tổng khối lượng kiến thức						60						

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đề án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế

3. Kế hoạch dạy học toàn khóa

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
	Học kỳ 1													

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
1	PHI6101	Triết học	Philosophy	BB			4	60	45	15			90	V.ĐTSĐH
2	ECO6101	Kinh tế học	Economics	BB			3	45	28	17			60	V.ĐTSĐH
3	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Method of Research	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSĐH
4	ACC6111	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSĐH
5	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	Financial Econometrics	BB			3	45	45				60	V.ĐTSĐH
		Cộng					16	240	178	62			330	
	Học kỳ 2													
6	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	Statistics and Data Analysis	BB			3	45	19	26			60	V.ĐTSĐH
7	ACC6110	Kế toán tài chính	Financial Accounting	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSĐH
8	ACC6114	Lý thuyết kế toán (Các trường phái kế toán)	Accounting theory (School of Accounting)	BB			3	45	45				60	V.ĐTSĐH
9	ACC6106	Phân tích tài chính	Financial Analysis	BB			3	45	30	15			60	V.ĐTSĐH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
10	ACC6119	Chuyên đề nghiên cứu kế toán	Research Project in Accounting	BB			2	30	15	15			40	V.ĐTSDH
		Cộng					14	210	139	71			280	
	Học kỳ 3													
	<i>Chọn 5/8 học phần dưới đây</i>													V.ĐTSDH
11	ACC6112	Kiểm toán	Auditing	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
12	ACC6109	Kế toán công	Public Accounting	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
13	LAW6101	Luật Hợp đồng	Contract Law	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
14	ACC6116	Kiểm soát nội bộ	Internal control	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
15	ACC6117	Đạo đức kế toán kiểm toán	Ethics in accounting and auditing	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
16	ACC6118	Kế toán tài chính quốc tế	International Financial Accounting	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
17	FIN6116	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Financial derivatives and risk	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý HP
		Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
18	ACC6108	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	TC			3	45	30	15			60	V.ĐTSDH
		Cộng					15	225	150	75			300	
	Học kỳ 4													
19	ACC6402	Chuyên đề thực tế	Practical Seminar	BB			6				X			V.ĐTSDH
20	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	Minor Thesis	BB			9				X			V.ĐTSDH
		Cộng					15							

4. Sơ đồ tiến trình đào tạo

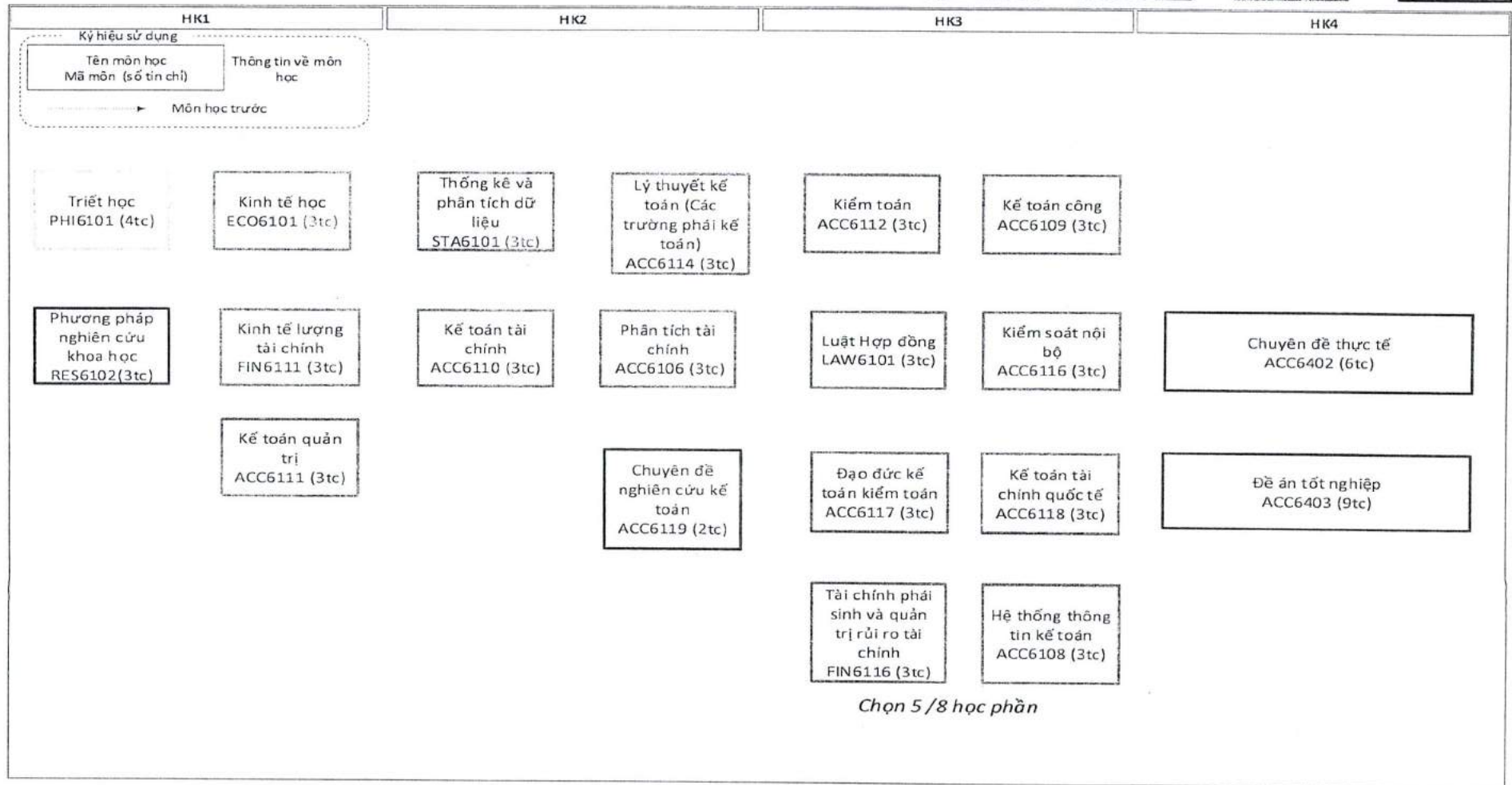
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - KHÓA 2024**

Kiến thức chung

Nghiên cứu khoa học

Cơ sở ngành, chuyên ngành và liên ngành

Tốt nghiệp



5. Phương pháp giảng dạy

5.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407/HĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

5.2 Các phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
I	Dạy học trực tiếp
TLM1	Thuyết giảng (Lecture)
TLM2	Khách mời thuyết giảng (Guest Lecture)
TLM3	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
II	Dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm
TLM4	Trò chơi (Games)
TLM5	Thực hành (Practice)
TLM6	Thực tập, trải nghiệm thực tế (Field Trip)
TLM7	Tranh luận (Debates)
TLM8	Mô hình (Models)
TLM9	Dạy học theo dự án (Project-based Learning)
TLM10	Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)
III	Dạy kỹ năng tư duy
TLM11	Học theo vấn đề (Problem-based Learning)
TLM12	Học theo tình huống (Case Study)
TLM13	Tập kích não (Brain Storming)
TLM14	Sơ đồ tư duy (Mind Map)
IV	Dạy học tương tác
TLM15	Học nhóm (Teamwork Learning)
TLM16	Thảo luận nhóm/ Seminar (Group Discussion)

Phương pháp giảng dạy (Teaching and Learning Methods)	
TLM17	Chia sẻ nhóm đôi (Think - Pair - Share (TPS))
TLM18	Các mảnh ghép (Jigsaw)
TLM19	Đóng vai (Role Play)
V	Dạy học dựa vào công nghệ
TLM20	Học trực tuyến (E-Learning)
TLM21	Học kết hợp (Blended Learning)
TLM22	Học tập đảo ngược (Flipped Learning)
VI	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy
TLM23	Nghiên cứu độc lập (Independent Research)
TLM24	Dự án nghiên cứu (Research Project)
TLM25	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)
TLM26	Trợ giảng và hỗ trợ học thuật (Teaching Assistance and Academic Support)
VII	Tự học
TLM27	Bài tập ở nhà (Work Assignment)
TLM28	Hoạt động thực hành ngôn ngữ ngoài giờ học (Out of Class Learning Activities)

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

6.1 Căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 407 /HD-UIF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần.

6.2 Các phương pháp đánh giá

Mã	Phương pháp đánh giá	Đánh giá chẩn đoán (Diagnostic Assessment)	Đánh giá quá trình (Formative Assessment)	Đánh giá cuối kỳ (Summative Assessment)
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)		x	
AM2	Bài tập (Work Assignment)		x	
AM3	Thuyết trình (Presentation)		x	
AM4	Câu hỏi trắc nghiệm (Quiz Questions: Fill-in-the-blank, Multiple Choice, True or False, Matching,...)	x	x	x
AM5	Kiểm tra viết (Written Test)	x	x	x
AM6	Kiểm tra vấn đáp (Oral Exam)			x
AM7	Tiểu luận (Essay)			x
AM8	Báo cáo (Written Report)			x
AM9	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)		x	
AM10	Thực hành (Practice)		x	x
AM11	Đánh giá bằng dự án (Project-based Assessment)		x	x
AM12	Hồ sơ học tập (Portfolio Assessment)		x	x
AM13	Chuyên đề/ Khóa luận tốt nghiệp (Practical Seminar/ Minor Thesis)			x

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
I. Kiến thức chung				
1.1	PIII6101	Triết học	4	<p>Học phần nhằm củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học kinh tế, xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Giúp học viên xác lập được thế giới quan, giá trị quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng; rèn luyện được phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý tưởng sống cao đẹp, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p> <p>Học phần có 8 chương, bao gồm: Mở đầu (chương 1. Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Ba chương (chương 2. Bản thể luận; chương 3. Pháp biện chứng; chương 4. Nhận thức luận): bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bốn chương (chương 5. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; chương 6. Triết học chính trị; chương 7. Ý thức xã hội; chương 8. Triết học về con người): bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người.</p>
1.2	RES6102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	<p>Học phần trang bị cho học viên các kiến thức, kỹ năng và phương pháp luận tư duy; học viên có thể hệ thống kiến thức đã học cùng với các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, tài chính, hoạt động nghề nghiệp,... cũng như hoàn thành Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chất lượng.</p> <p>Nội dung chính bao gồm: Giới thiệu phương pháp nghiên cứu và Quy trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, mục tiêu, câu hỏi, giá</p>

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thuyết nghiên cứu; Tổng quan tài liệu; Bản chất, dạng số liệu đo lường, phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.
II. Kiến thức ngành				
2.1	ECO6101	Kinh tế học	3	Học phần giúp học viên hiểu biết và nắm bắt được một số vấn đề cơ bản của kinh tế học như: quan hệ cung cầu, hệ số co giãn và ứng dụng, lý thuyết sản xuất, tiêu dùng, cách vận hành nền kinh tế của Chính phủ khi thực hiện những chính sách kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn, vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế hiện đại, ảnh hưởng của các dòng vốn đến nền kinh tế quốc gia, hay khu vực. Đặc biệt, học phần sẽ giúp học viên nghiên cứu, phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế trong thực tế theo nhiều quan điểm khác nhau.
2.2	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Học phần cung cấp cho học viên hệ thống các kiến thức về chỉ tiêu và phương pháp trong thống kê. Từ đó, giúp học viên khái quát được hệ thống các chỉ tiêu và phương pháp thống kê; vận dụng được quy trình thống kê trong thực tế, vận dụng phương pháp chọn mẫu trong kinh tế, áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong việc mô tả, phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội; áp dụng hệ thống chỉ tiêu trong phân tích sự biến động của các biến số kinh tế theo thời gian và dự báo các biến số kinh tế; áp dụng các phương pháp phân tích trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên những kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng cơ bản được ứng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				dụng trong nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Học viên có khả năng ứng dụng các mô hình kinh tế lượng vào nghiên cứu học thuật dưới sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS, AMOS.
2.3	ACC6110	Kế toán tài chính	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kế toán tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam; trang bị cho học viên những kỹ năng tự nghiên cứu, phát triển bản thân và nghề nghiệp chuyên môn trong môi trường làm việc cạnh tranh cao cũng như thái độ chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kế toán.
2.4	ACC6111	Kế toán quản trị	3	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức mang tính chuyên sâu và nâng cao về lý thuyết và thực hành kế toán quản trị trong các đơn vị nhằm cung cấp thông tin kế toán phục vụ chức năng quản lý, bao gồm: kế toán quản trị dưới góc nhìn trong mối quan hệ C-V-P, kế toán chi phí theo công việc và theo quá trình; kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC); lập dự toán ngân sách; kiểm soát ngân sách và kế toán trách nhiệm; chi phí chuẩn và thẻ điểm cân bằng; các quyết định về giá bán và ứng dụng các thông tin trong việc đưa ra các quyết định quản trị ngắn hạn của đơn vị.
2.5	FIN6111	Kinh tế lượng tài chính	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về kinh tế lượng nâng cao. Cụ thể là các trường hợp mô hình hồi quy vi phạm tiêu chuẩn tổng bình phương bé nhất (OLS) như đa cộng tuyến, phương sai nhiễu thay đổi và tự tương quan. Ngoài ra, chương trình cũng trang bị cho học viên một số mô hình rất phổ biến để nghiên cứu và phân tích sâu những hiện tượng kinh tế như: Mô hình hồi quy biến trễ; Mô hình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.2	ACC6403	Đề án tốt nghiệp	9	<p>Học phần này giúp học viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Học viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề án tốt nghiệp.</p> <p>Học phần này có mục tiêu giúp học viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; • Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); • Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. • Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

8. Yêu cầu về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần *	Số tín chỉ	Yêu cầu về cơ sở vật chất (Phòng thực hành, trang thiết bị, phương tiện dạy học, phần mềm...)	Học kỳ đào tạo
1	STA6101	Thống kê và phân tích dữ liệu	3	Phòng máy vi tính, Phần mềm thống kê.	1

* Chỉ ghi những học phần có yêu cầu đặc biệt về cơ sở vật chất.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.
- Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng lồng ghép giữa các kiến thức quản trị và các kiến thức chuyên sâu về kế toán-tài chính, như: kế toán quản trị, kế toán tài chính, kế toán tài chính quốc tế, kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin kế toán và phân tích tài chính.
- Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý cho Viện đào tạo Sau Đại học và các Trường ngành đào tạo Sau Đại học.
- Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.
- Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.
- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.
- Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo, ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.
- Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu

áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đợt xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Viện Đào tạo sau đại học tiếp nhận tờ trình từ trưởng ngành sau đại học, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đợt xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Viện Đào tạo sau đại học tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được Trưởng ngành sau đại học gửi cho Viện Đào tạo sau đại học rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG 



Nguyễn Thanh Giang